TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH B	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 191/2018/HS-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị H Yến
2. Bà Nguyễn Thị Biên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đồng Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 175/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2018/HSST-QĐ ngày 27 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ tên: **Phan Văn C**, sinh năm 1997; tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 09, ngõ 77, đường Lều Văn M, phường TX, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp:Không; trình độ văn hóa: 12/12;dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Phan Văn Đường, sinh năm 1973 và bà Dương Thị Lợi, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có;tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh B.(Có mặt).

** Bị hại:*

- Anh Trương Văn T, sinh năm 1974. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tranh luận và tuyên án)

Địa chỉ: Số nhà 122, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh B.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973.
2. Anh Trương Trọng Đ, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số nhà 122, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của chị C, anh Đức:

- Anh Trương Văn T, sinh năm 1974. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tranh luận và tuyên án)

Địa chỉ: Số nhà 122, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh B.

3. Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1975. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 50, đường Hồ Công D, phường L, thành phố B, tỉnh B.

4. Anh Nguyễn Mạnh P, sinh năm 1989. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01, tầng 3, tập thể Đồng Cửa, phường L, thành phố B, tỉnh B.

5. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1998. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tranh luận và tuyên án)

Địa chỉ: Thôn Thượng V, xã Quý S, huyện Lục N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để mua thẻ điện thoại chơi cá cược trên mạng Internet và chi tiêu cá nhân nên Phan Văn C nảy sinh ý định thuê xe ôtô của người khác đem đi cầm cố lấy tiền. Thông qua bạn ngoài xã hội là anh Nguyễn Văn H, C biết anh Trương Văn T có cửa hàng cho thuê xe ôtô tự lái. Khoảng 14 giờ ngày 13/4/2018, C gọi điện thoại cho anh T đặt vấn đề muốn thuê xe ôtô, anh T đồng ý và hẹn C đến nhà để thỏa thuận trực tiếp. Khoảng 17 giờ cùng ngày 13/4/2018, C đi taxi đến nhà anh T. Tại đây, C nói với anh T muốn thuê xe ôtô tự lái để đi lễ đền ông Hoàng Mười ở tỉnh Nghệ An, anh T đồng ý. Hai bên làm hợp đồng thỏa thuận thuê xe ô tô biển kiểm soát 98A-051.06 nhãn hiệu Kia Morning màu sơn xanh, thời gian từ ngày 13/4/2018 đến ngày 17/4/2018, giá thuê xe là 600.000đồng/ngày, C đặt cọc cho anh T số tiền 10.000.000đồng. Sau khi C ký hợp đồng, anh T đã giao xe cùng 01 phô tô đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm.

Đến ngày 15/4/2018, C nhờ H tìm chỗ cầm cố xe ô tô để lấy tiền. H giới thiệu với C có anh Trần Mạnh H (còn gọi là P Bội - anh P là bố nuôi của vợ H). C và H đi xe ô tô đến nhà anh P, nhưng C không vào mà đứng đợi ở ngoài cổng, H vào nhà gặp anh P hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/5/2018 sẽ trả, đồng thời nói sẽ để lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-051.06 cùng toàn bộ giấy tờ xe để làm tin. Do tin tưởng H, anh P đồng ý đưa cho H số tiền 100.000.000đồng, hai bên không làm hợp đồng gì. Sau khi vay được tiền, H đã đưa hết cho C. Theo C khai đã sử dụng hết 100.000.000đồng để mua thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel và Vinaphone rồi nạp vào các trang mạng Internet để mua tiền ảo chơi đặt cược tài sửu (chẵn, lẻ) và đã bị thua hết.

Đến hạn trả tiền anh Trần Mạnh H, H gọi điện thoại cho C thì lúc này C mới nói với H xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 98A-051.06 là do C thuê của anh T, không pH xe của C, số tiền 100.000.000đồng H vay của anh P đưa cho C, C đã chi tiêu hết không thể trả nợ cho anh P. Lúc này, C tiếp tục nhờ H mượn lại xe ô tô đã cắm cho anh P để đem xe đi găm cắm chỗ khác lấy tiền trả cho anh P, được H đồng ý. Sau đó, ngày 12/5/2018 C và H đi taxi đến gặp anh P, tại đây H nói với anh P cần mượn lại chiếc xe ôtô 98A-051.06 để đi giải quyết công việc (cả H và C

đều không nói là sẽ mượn xe ô tô để đi cầm cố ở chỗ khác lấy tiền trả cho anh P) và cam kết sẽ trả đủ số tiền 100.000.000đồng đã vay của anh P. Anh Trần Mạnh H đồng ý giao lại xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho H và C.

Sau khi mượn được xe ô tô, cùng ngày 12/5/2018, C và H đến gặp anh Nguyễn Mạnh P, anh Nguyễn Hữu N là nhân viên của công ty Công ty TNHH Hoàng Đồng ở số 181B, đường Giáp H, phường Dĩnh Kế, thành phố B để cầm cố xe ô tô. Tại đây, C nói với anh Nguyễn Mạnh P xe ôtô biển kiểm soát 98A-051.06 là tài sản của bố C, nay muốn cầm cố xe để vay số tiền 80.000.000đồng, nhưng anh P chỉ đồng ý mua chứ không nhận cầm cố, C đồng ý. Anh Nguyễn Mạnh P và C thỏa thuận (bằng giấy bán xe) mua bán chiếc xe ô tô nói trên với giá 80.000.000đồng, anh N trực tiếp giao tiền cho C rồi nhận xe cùng toàn bộ giấy tờ xe. Khi nhận tiền, C khai C không kiểm đếm lại, khi C và H rời khỏi công ty TNHH Hoàng Đồng thì C nhận được điện thoại của anh N trao đổi việc do sơ xuất không kiểm đếm khi giao tiền mua xe ô tô cho C, nên anh N đã đưa cho C số tiền mua bán xe ô tô là 90.000.000đồng mà không pH 80.000.000đồng như thỏa thuận trong hợp đồng và anh N cũng đã thông báo lại cho anh P biết về sự nhầm lẫn này. Sau khi C kiểm đếm lại số tiền anh N đã đưa thì phát hiện thừa 10.000.000đồng đúng như anh N điện báo, C và anh N đã thống nhất mua bán xe ô tô biển kiểm soát 98A-051.06 với giá 90.000.000đồng, tuy nhiên chưa viết lại được hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. C đã đưa cho H 80.000.000đồng để trả cho anh Trần Mạnh H, còn lại 10.000.000đồng C giữ lại và đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/6/2018, anh Trương Văn T có đơn trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái ghi ngày 13/4/2018, trên hợp đồng tại mục bên B có chữ viết, chữ ký đề tên Phan Văn C (ký hiệu giám định A2) tại nhà anh T.

Ngày 15/6/2018, anh Nguyễn Mạnh P đã tự nguyện bàn giao cho Cơ quan điều tra chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-051.06 nhãn hiệu Kia Morning màu sơn xanh. Ngày 10/7/2018, anh Nguyễn Hữu N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 98A-051.06, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 3965435, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0128232 của xe ô tô trên và 01 giấy bán xe ghi ngày 12/5/2018 tại mục người bán có chữ viết, chữ ký đề tên Phan Văn C (ký hiệu giám định A1).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên các tài liệu đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 1072/ KL-PC54 ngày 15/8/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: "Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết mang tên Phan Văn C trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Phan Văn C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) là do cùng một người ký, viết ra".

Tại bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 14/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô BKS: 98A-051.06 nhãn hiệu KiaMorning sơn màu xanh, số máy: G4HE7343052, số khung: 24428T532292, xe đã qua sử dụng có giá trị là 120.000.000đồng.

Ngày 18/8/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô trên và toàn bộ giấy tờ xe cho anh Trương Văn T. Đến nay, anh T có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000đồng là tiền thuê xe ô tô 98A-951.06.

Anh Trần Mạnh H và anh Nguyễn Mạnh P có hành vi cầm cố và mua lại chiếc xe ôtô biển kiểm soát 98A-051.06, nhưng do không biết chiếc xe ô tô trên là tài sản do C phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật. Đến nay, anh Nguyễn Mạnh P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000đồng là tiền P mua ô tô ngày 12/5/2018; anh Trần Mạnh H không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản Cáo trạng số 188/CT-KSĐT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B đã truy tố bị cáo Phan Văn C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là anh Trương Văn T trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển kiểm soát 98A-051.06 là của anh và vợ là chị Nguyễn Thị C, con trai Trương Trọng Đ không liên quan gì. Ngày 13/4/2018, anh T cho bị cáo C thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển kiểm soát 98A-051.06 màu sơn xanh, mục đích thuê như C nói để đi đền ông Hoàng Mười, thời hạn thuê 04 ngày, giá thuê 600.000đồng/ ngày. Việc thuê xe được lập thành hợp đồng có chữ ký, chữ viết của bị cáo. Khi ký kết hợp đồng, anh T giao xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe gồm giấy đăng ký xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe, 01 giấy đăng kiểm và chìa khóa xe ô tô; bị cáo C đặt 10.000.000đồng tiền cọc thuê xe. Ngày 04/5/2018, bị cáo C đến gặp anh và nói đã cắm chiếc xe ô tô thuê của anh ở cửa hàng cầm đồ của anh P Bội để lấy số tiền 100.000.000đồng. Bị cáo đã tự viết 01 tờ cam kết hẹn ngày 12/5/2018 trả xe cho anh nhưng sau đó không không trả nên anh đã trình báo Công an. Ngày 18/8/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô trên và toàn bộ giấy tờ xe cho anh T. Đến nay, anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000đồng là tiền thuê xe ô tô 98A-051.06 và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu N trình bày: Ngày 12/5/2018, anh P mua của bị cáo C chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển kiểm soát 98A-051.06 với giá 90.000.000đồng. Anh N là người giao số tiền mua xe là 90.000.000đồng cho bị cáo C và nhận giấy tờ xe cùng chìa khóa xe ô tô. Anh N không biết chiếc xe anh P mua của bị cáo là xe do phạm tội mà có. Số tiền 90.000.000đồng mua xe là hoàn toàn là của anh P, anh N không liên quan gì nên không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/7/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 481, Điều 579 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo pH trả cho anh Trương Văn T số tiền 30.000.000đồng; hoàn trả anh Nguyễn Mạnh P số tiền 90.000.000đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranH tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,trình tự,thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định số 1072/KL-PC54 ngày 15/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, Kết luận định giá tài sản số 70/KL-HDĐG ngày 14/7/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 13/4/2018 tại địa bàn phường L, thành phố B, bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển kiểm soát 98A-051.06 màu sơn xanh có giá trị là 120.000.000đồng của anh Trương Văn T mang đi găm cắm, bán. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Trị giá chiếc xe bị cáo chiếm đoạt là 120.000.000đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu tài sản chiếm đoạt tài sản mang đi găm cắm, bán. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người

khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn ăn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị hại là anh Trương Văn T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt lớn, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, xử phạt tù giam đối với bị cáo.

[7].Đối với anh Trần Mạnh H và anh Nguyễn Mạnh P là những người nhận cầm cố và mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-051.06 của bị cáo nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên anh Trần Mạnh H và anh Nguyễn Mạnh P không vi phạm pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Văn H là người có liên quan đến việc găm cắm, bán chiếc xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 98A-051.06 (theo lời khai bị cáo), Cơ quan điều tra đã triệu tập và xác minh nhiều lần tại nơi ở của H, tuy nhiên H không có mặt tại địa phương và không rõ đang làm gì, ở đâu. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, điều tra để xem xét xử lý sau.

[9] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C khai sử dụng số tiền 100.000.000đồng mua thẻ cào của nhà mạng Viettel, Vinaphone để nạp vào trang mạng Heli.com và Bon.club.com mua tiền ảo tham gia các trò chơi đặt cược chẵn lẻ. Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo sử dụng điện thoại di động có kết nối mạng để truy cập vào hai trang mạng trên, nhưng không truy cập được, nên không có căn cứ để xác minh về tài khoản và hành vi chơi đặt cược của bị cáo. Bị cáo khai mua các thẻ cào nhưng không nhớ địa điểm mua cũng như mã số của các thẻ cào, nên không có căn cứ thu hồi số thẻ cào cũng như lấy lời khai của người bán các thẻ cào cho bị cáo. Hành vi này của bị cáo có dấu hiệu của tội Đánh bạc, nhưng ngoài lời khai của bị cáo thì không có căn cứ nào khác nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi này ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

[10.1] Về yêu cầu của bị hại là anh Trương Văn T yêu cầu bị cáo trả số tiền 30.000.000đồng thì thấy: Số tiền 30.000.000đồng anh T yêu cầu bị cáo trả là số tiền thuê xe bị cáo còn pH trả trong thời gian từ ngày 13/4/2018 đến ngày 25/7/2018. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý hoàn trả cho anh T số tiền 30.000.000đồng.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo, yêu cầu của anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 481 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[10.2] Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Mạnh P yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 90.000.000đồng thì thấy: Khi mua xe, anh P không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác, việc mua bán xe có viết giấy tờ, bị cáo thừa nhận và đồng ý trả số tiền này cho anh P, do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh P buộc bị cáo pH hoàn trả cho anh Nguyễn Mạnh P số tiền 90.000.000đồng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579 của Bộ luật Dân sự.

[10.3] Anh Trần Mạnh H không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 20.000.000đồng còn nợ và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Đối với chiếc xe ô tô BKS 98A-051.06 và toàn bộ giấy tờ xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh T, ngày 18/8/2018 Cơ quan điều tra đã trả cho anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Phan Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phan Văn C 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 10/7/2018.

3.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579; Điều 481 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo pH trả cho anh Trương Văn T số tiền 30.000.000đồng (bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo pH hoàn trả anh Nguyễn Mạnh P số tiền 90.000.000đồng (bằng chữ: Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phan Văn C pH chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Luyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-VKS thành phố B;
- Công an thành phố B;
-Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh B;
-CQ THADS TPBG;
-Lưu HS, VP.